

Số: 33 /BC-HĐND

Ia Pa, ngày 02 tháng 11 năm 2021

## BÁO CÁO

### Kết quả giám sát “Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện”

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-HĐND ngày 14/9/2021 của Thường trực HĐND huyện về việc thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện”; từ ngày 04/10/2021 đến ngày 15/10/2021, Đoàn giám sát đã làm việc với UBND huyện, các Phòng: Lao động - Thương binh & Xã hội, Dân tộc, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế - Hạ tầng, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Tư pháp, các cơ quan Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, Bảo hiểm xã hội huyện và UBND các xã: Chư Mô, Chư Răng, Ia Mron, Ia Tul; đồng thời, tổ chức khảo sát thực tế tại một số thôn trên địa bàn các xã. Trên cơ sở giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

#### I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ GIÁM SÁT

Để chuẩn bị công tác giám sát, Thường trực HĐND huyện đã ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát, tổ chức xây dựng kế hoạch, đề cương báo cáo giám sát gửi đến UBND huyện, các phòng ban liên quan và UBND các xã. Nhìn chung, hoạt động giám sát thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chịu sự giám sát; các thành viên Đoàn giám sát tham gia tương đối đầy đủ hoạt động của Đoàn và tích cực tham gia ý kiến trao đổi, thảo thuận. UBND huyện, đơn vị chịu sự giám sát đã chuẩn bị tốt nội dung, xây dựng báo cáo theo hướng dẫn, báo cáo giải trình làm rõ những vấn đề Đoàn giám sát nêu ra và những khó khăn, vướng mắc cũng như kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung chưa phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, hầu hết các đơn vị được giám sát xây dựng báo cáo gửi Đoàn giám sát chậm so với thời gian yêu cầu, đã ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu hồ sơ và tiến độ giám sát của Đoàn giám sát.

#### II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành và công tác tuyên truyền

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ

nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 26/10/2016 về công tác giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020, UBND huyện đã ban hành các Kế hoạch<sup>1</sup> để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện (*sau đây viết tắt là Chương trình*); hàng năm, UBND huyện đều ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình; Ban Chỉ đạo huyện, Ban quản lý xã được thành lập, xây dựng Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cho từng thành viên và được kiện toàn, bổ sung trong quá trình triển khai; đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp giữa các cơ quan, các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình kịp thời, cơ bản đúng quy định và từng bước mang lại hiệu quả.

- Công tác tuyên truyền được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thường xuyên gắn với triển khai phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo” và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp triển khai cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”. Hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng, phong phú như: Thông qua các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội thi tuyên truyền và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở địa phương, vùng dân tộc thiểu số.

## **2. Chế độ thống kê, báo cáo, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện**

Công tác thống kê, báo cáo việc thực hiện Chương trình được quan tâm thực hiện theo quy định; hàng năm UBND huyện xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chương trình của địa phương gửi tỉnh và trình các kỳ họp cuối năm của HĐND huyện khóa IV để xem xét, giám sát. Hoạt động giám sát, đánh giá Chương trình được UBND huyện quan tâm chỉ đạo, thực hiện thường xuyên<sup>2</sup> và sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của các phòng ban, ngành trong quá trình thực hiện. Công tác điều tra, rà soát, đánh giá hộ nghèo hàng năm thực hiện đảm bảo đúng quy định và ngày càng chặt chẽ, khách quan.

## **3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

Huyện Ia Pa là huyện miền núi, với diện tích tự nhiên 86.850,25ha; huyện có 9 đơn vị hành chính cấp xã, 4/9 xã đặc biệt khó khăn, với 51 thôn, làng; dân số hơn 58 nghìn người, đồng bào DTTS chiếm trên 70%, chủ yếu là dân tộc Jrai. Qua 5 năm thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,

<sup>1</sup> Kế hoạch số 75/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 26/10/2016 về công tác giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 28/12/2017 về triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020.

<sup>2</sup> Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giữa kỳ giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; sơ kết 02 năm, 03 năm và 05 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 26/10/2016 về công tác giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020.

với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, địa phương cùng với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện, công tác giảm nghèo đạt được những kết quả nhất định; một số mục tiêu, chi tiêu của Quyết định số 1722/QĐ-TTg đạt theo kế hoạch; đầu năm 2016, huyện có 7 xã đặc biệt khó khăn và 33 thôn, làng đặc biệt khó khăn, đến nay, huyện giảm còn 4 xã và 23 thôn, làng đặc biệt khó khăn; tổng vốn đầu tư cho toàn xã hội thuộc Chương trình giảm nghèo khoảng 630 tỷ đồng cho các chương trình, dự án giảm nghèo<sup>3</sup> trên địa bàn huyện, trong đó: Đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng kinh phí thực hiện hơn 184,7 tỷ đồng và hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác với tổng kinh phí thực hiện hơn 443,4 tỷ đồng. Kết quả triển khai thực hiện Chương trình cụ thể như sau:

### **3.1. Thực hiện giảm nghèo**

Theo số liệu báo cáo, cuối năm 2015, toàn huyện có 4.348 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 37,06%, trong đó DTTS là 3.622 hộ, chiếm tỷ lệ 81,39% tổng số hộ nghèo và chiếm 43,5% hộ dân tộc thiểu số.

Công tác giảm hộ nghèo được UBND các cấp chỉ đạo triển khai quyết liệt; xây dựng kế hoạch, đề ra chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm trên cơ sở chỉ tiêu tỉnh giao và Huyện ủy, HĐND huyện giao. Do đó, tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020, giảm 2.667 hộ, tương ứng với tỷ lệ 24,43%, từ 4.348 hộ nghèo cuối năm 2015, chiếm tỷ lệ 37,06% xuống còn 1.681 hộ nghèo cuối năm 2020, chiếm tỷ lệ 12,63%, trong đó: Năm 2016 giảm 300 hộ, tỷ lệ giảm tương ứng 4,23%; năm 2017 giảm 544 hộ, tỷ lệ giảm tương ứng 4,98%; năm 2018 giảm 865 hộ, tỷ lệ giảm tương ứng 7,12%; năm 2019 giảm 653 hộ, tỷ lệ giảm tương ứng 5,59%; năm 2020 giảm 305 hộ, tỷ lệ giảm tương ứng 2,51%.

Qua 5 năm, số hộ nghèo giảm đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình hàng năm 4,89%, đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (giảm 4-5%), nhưng không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra (giảm 5-6%); tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm từ 43,5%, tương ứng với 3.622 hộ (cuối năm 2015) xuống còn 16%, tương ứng với 1.498 hộ (cuối năm 2020), tỷ lệ giảm bình quân hàng năm 5,5%, đạt chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (giảm 3-4%), Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (giảm 5% trở lên) và chỉ tiêu huyện phấn đấu giảm từ 3%/năm.

*(Kèm theo Phụ lục số 01)*

### **3.2. Thực hiện mục tiêu đưa thôn, xã thoát khỏi tình trạng khó khăn**

Đầu năm 2016, huyện Ia Pa có 7 xã<sup>4</sup> khu vực III và 33 thôn đặc biệt khó khăn; năm 2017, huyện Ia Pa còn 3 xã<sup>5</sup> khu vực III và 25 thôn<sup>6</sup> đặc biệt khó

<sup>3</sup> Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, giải quyết các thiều hụt da chiềу về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin là 71,348 tỷ đồng; kinh phí Chương trình 30<sup>a</sup> là 62,448 tỷ đồng; kinh phí Chương trình 135 là 40,674 tỷ đồng; kinh phí chính sách giảm nghèo khác là 347,469 tỷ đồng; kinh phí Chương trình giảm nghèo khu vực Tây Nguyên là 106,738 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Pờ Tó, Chư Răng, Kim Tân, Ia Trok, Ia Broăi, Ia Tul, Ia Kdăm.

khăn (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

Kết thúc giai đoạn 2016 - 2020, huyện Ia Pa có 04 xã<sup>7</sup> khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và 23 thôn<sup>8</sup> đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc. So với đầu giai đoạn giảm 04 xã (*Chư Răng, Kim Tân, Ia Trôk, Ia Tul*) khu vực III và giảm 8 thôn đặc biệt khó khăn; nhưng kết thúc giai đoạn so với năm 2017 (*theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ*) tăng thêm 01 xã (Chư Răng) khu vực III và giảm 10 thôn đặc biệt khó khăn.

### **3.3. Thực hiện chính sách hỗ trợ, giải quyết các thiếu hụt đa chiều về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin**

\* **Cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã triển khai cấp 9.505 lượt thẻ BHYT, trong đó, người nghèo cấp 6.284 lượt thẻ, người cận nghèo 3.221 lượt thẻ; giai đoạn 2016 - 2020, người dân tham gia BHYT chiếm tỷ lệ cao, đạt trên 96%.

\* **Hỗ trợ về giáo dục:** Cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư sửa chữa hàng năm, giai đoạn 2016 - 2020 đã đầu tư, sửa chữa 144 công trình<sup>9</sup> trường lớp học, với tổng kinh phí hơn 29,8 tỷ đồng và mua sắm trang thiết bị dạy học, với kinh phí hơn 10,3 tỷ đồng qua các năm<sup>10</sup>, đã từng bước đáp ứng nhu cầu dạy học trên địa bàn. Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ về giáo dục cho học sinh, sinh viên nghèo được thực hiện, đúng đắn, đã hỗ trợ cho 13.179 lượt học sinh nghèo, cận nghèo, với kinh phí hơn 1.489 triệu đồng qua 5 năm<sup>11</sup>.

\* **Hỗ trợ nhà ở cho người nghèo:** Thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối

<sup>5</sup> Pờ Tó, Ia Broăi, Ia Kdăm.

<sup>6</sup> Klá, Bi Gia, Bi Giông, Ksom, Chu Gu (*Pờ Tó*); Bôn Tông Ô, Bôn Tul, Bôn Jứ Ma Hoét (*Ia Broăi*); H'bel, Plei Chrôh Kô, Plei Kdăm 1, Plei Kdăm 1, Bôn Bầu (*Ia Kdăm*); Plei Du, Voòng Boong 2 (*Chư Răng*); Mơ Năng 1, Mơ Năng 2, Blôm (*Kim Tân*); Bôn Hoăi, Plei Ama Drung, Bôn Trôk (*Ia Trôk*); Chrôh Braih, Ama Lim 1, Ama Lim 2, Oi H'Briu (*Chư Mô*).

<sup>7</sup> Pờ Tó, Chư Răng, Ia Broăi, Ia Kdăm

<sup>8</sup> Mơ Năng, Blôm (*Kim Tân*); Ploï Rngôl, Bôn Trôk, Bôn Tông Sê, Bôn Thăm (*Ia Trôk*); Ama Lim, Oi H'Briu (*Chư Mô*); Bôn Rniu, Bôn Jứ, Bôn Tul, Bôn Broăi (*Ia Broăi*); Thôn 1, 3, 4, 5, Bi Giông, Bi Gia (*Pờ Tó*); Plei Du, Voòng Boong (*Chư Răng*); Ploï H'Bel, Ploï Kdăm, Bôn Dlai Bầu (*Ia Kdăm*);

<sup>9</sup> Năm 2016 thực hiện 25 công trình, với kinh phí 3.113.192.000 đồng; năm 2017 thực hiện 21 công trình, với kinh phí 5.187.982.338 đồng; năm 2018 thực hiện 11 công trình, với kinh phí 3.795.747.158 đồng; năm 2019 thực hiện 52 công trình, với kinh phí 9.359.157.027 đồng; năm 2020 thực hiện 35 công trình, với kinh phí 8.446.161.000 đồng.

<sup>10</sup> Năm 2016 kinh phí mua sắm 912.600.000 đồng; năm 2017 kinh phí mua sắm 1.530.863.500 đồng; năm 2018 kinh phí mua sắm 999.000.000 đồng; năm 2019 kinh phí mua sắm 1.797.157.900 đồng; năm 2020 kinh phí mua sắm 5.087.277.600 đồng.

<sup>11</sup> Năm 2016 hỗ trợ cho 3.134 học sinh, với kinh phí 483.418.000 đồng; năm 2017 và 2018 hỗ trợ cho 6.092 học sinh, với kinh phí 657.289.000 đồng; năm 2019 hỗ trợ cho 2.432 học sinh, với kinh phí 259.406.800 đồng; năm 2020 hỗ trợ cho 1.521 học sinh, với kinh phí 89.076.750 đồng.

với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 và Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, huyện Ia Pa được phê duyệt 367 hộ vay vốn tín dụng, với tổng kinh phí 9.175 triệu đồng. Đến cuối năm 2020, có 130 hộ vay vốn (*xây mới 91 căn nhà, sửa chữa 39 căn nhà*) với kinh phí 3.250 triệu đồng, đạt 35,42% kế hoạch. Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội của huyện, các ngân hàng, các đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng... đã vận động, hỗ trợ xây dựng 20 căn nhà, với tổng kinh phí thực hiện 1.000 triệu đồng.

\* **Vệ sinh môi trường:** Các ngành, địa phương đã tổ chức tuyên truyền, vận động người dân làm nhà tiêu hợp vệ sinh; giai đoạn 2016 - 2020 đã hỗ trợ, vận động xây dựng 950 nhà tiêu hợp vệ sinh và 2.835 công trình vệ sinh khác.

\* **Hỗ trợ nước sạch:** Trong giai đoạn 2016 - 2020, từ các chương trình, dự án đã triển khai xây dựng 14 công trình<sup>12</sup> cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn, với kinh phí khoảng 25 tỷ đồng. Đến nay, còn 08 công trình hoạt động hiệu quả và 6 công trình<sup>13</sup> tạm dừng hoạt động; ngoài ra, có 2.885 hộ dân tự xây dựng công trình nước sạch cho gia đình. Qua đánh giá cuối năm 2020, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,53%, vượt chỉ tiêu so với Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề ra là 75%.

#### 4. Thực hiện chương trình, dự án, tiểu dự án

##### 4.1. Chương trình 30<sup>a</sup>

a) **Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng (Tiểu dự án 1):** Giai đoạn 2016 - 2020, kinh phí chương trình 56.831 triệu đồng<sup>14</sup>, triển khai xây dựng 21 công trình<sup>15</sup>, chủ yếu là đường bê tông xi măng liên thôn, đường nội đồng, kiên cố hóa kênh mương, nước sinh hoạt tập trung... nhằm phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, đời sống, văn hóa của người dân.

b) **Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn huyện, xã đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 3):** Hỗ trợ 301.723kg phân NPK và 93.991kg phân lân, với tổng kinh phí thực hiện 5.617,063 triệu đồng.

c) **Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4):** Trên địa bàn huyện thực hiện xuất khẩu lao động được 135 người, tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên không có lao động tham gia xuất khẩu và trả lại ngân sách Nhà nước 30 triệu đồng kinh phí đã bố trí để thực hiện Tiểu dự án.

<sup>12</sup> Pờ Tó 06 công trình; Chư Răng 01 công trình; Ia Mrơn 01 công trình, Ia Kdăm 03 công trình; Chư Mố 01 công trình; Ia Tul 02 công trình.

<sup>13</sup> Hệ thống cấp nước tập trung xã Ia Mrơn; công trình cấp nước tập trung Bôn Biah A, xã Ia Tul; hệ thống cấp nước sinh hoạt cộng đồng thôn Plei Kdăm, xã Ia Kdăm; Trạm cấp nước tập trung xã Ia Tul; công trình cấp nước tự chảy thôn Voòng Boong, xã Chư Răng; hệ thống cấp nước sinh hoạt cộng đồng thôn Ksom, xã Pờ Tó.

<sup>14</sup> Ngân sách Trung ương 52.054 triệu đồng; ngân sách địa phương 4.777 triệu đồng.

<sup>15</sup> 07 công trình đường nội thôn, đường ra khu sản xuất; 04 công trình trường học; 02 công trình y tế; 06 công trình kiên cố hóa kênh mương; 02 công trình hệ thống nước sinh hoạt.

## 4.2. Chương trình 135

**a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 1):** Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng giai đoạn 2016 - 2020 với kinh phí thực hiện 35.403,9 triệu đồng<sup>16</sup>, triển khai xây dựng 64 công trình, trong đó có 58 công trình đường giao thông, 03 công trình văn hóa, 01 công trình giáo dục và 02 công trình giếng nước sinh hoạt.

**b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 2):** Được triển khai từ năm 2018 đến nay với tổng kinh phí 3.534,8 triệu đồng<sup>17</sup>, hỗ trợ cho 454 hộ<sup>18</sup>; thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo đã cấp 127 con dê giống sinh sản cho 31 hộ của 3 xã nghèo Pờ Tó, Ia Kdăm, Ia Broăi.

**c) Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 3):** Tổ chức 23 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ xã, thôn và người dân ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, có 762 lượt người tham gia, trong đó cán bộ xã 42 lượt người, cán bộ thôn 526 lượt người, người dân 194 lượt người, với kinh phí thực hiện 520,698 triệu đồng.

**4.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn ngoài chương trình 30<sup>a</sup> và chương trình 135 (Dự án 3):** Trong năm 2019 - 2020, kinh phí dự án bố trí 544,6 triệu đồng, đã triển khai thực hiện mô hình nuôi bò sinh sản và dê lai sinh sản, trong đó 22 hộ nuôi bò, 02 hộ nuôi dê.

**4.4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 4):** Trong 5 năm thực hiện Chương trình đã tổ chức lòng ghép tuyên truyền thông qua 40 buổi văn nghệ, 21 đợt tuyên truyền bằng xe lưu động và trang trí 400 lượt cờ đuôi nheo, cờ chuối, treo 56 băng rôn, biểu ngữ, khẩu hiệu tuyên truyền... Ngoài ra, xây dựng 01 chuyên mục truyền thông về giảm nghèo phát trên Đài truyền thanh - Truyền hình huyện và 9 Pano truyền thông về giảm nghèo đặt tại các xã, với kinh phí thực hiện 153 triệu đồng.

**4.5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (Dự án 5):** Tổ chức 18 lớp tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo của huyện, xã với 900 lượt người tham gia. Các phòng ban, ngành của huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở xã theo địa bàn được phân công.

## 5. Kết quả thực hiện một số chính sách giảm nghèo khác

<sup>16</sup> Ngân sách Trung ương 30.808,1 triệu đồng; ngân sách tỉnh 2.829,8 triệu đồng; Nhân dân đóng góp 1.766 triệu đồng.

<sup>17</sup> Ngân sách Trung ương 3.013,2 triệu đồng; ngân sách tỉnh 264,7 triệu đồng; Nhân dân đóng góp 259,6 triệu đồng.

<sup>18</sup> Cấp phân bón NPK cho 336 hộ; hỗ trợ 113 con bò giống sinh sản cho 101 hộ; hỗ trợ 17 con dê lai bách thảo cho 17 hộ.

**5.1. Chính sách tín dụng:** Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã triển khai 14 chương trình vốn tín dụng ưu đãi, doanh số cho vay đạt 279 tỷ đồng, với 7.988 lượt hộ vay<sup>19</sup>. Ngoài ra, UBND huyện đã trích một phần ngân sách để tạo điều kiện cho 195 hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ người có công vay với kinh phí 6.279 triệu đồng để đầu tư sản xuất, kinh doanh.

**5.2. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, xuất khẩu lao động:** Trong 5 năm 2016 - 2020, đã phối hợp tổ chức 17 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với 478 lượt người tham gia học nghề, trong đó 07 lớp thuộc ngành nghề phi nông nghiệp và 10 lớp thuộc lĩnh vực ngành nghề nông nghiệp. Công tác xuất khẩu lao động được quan tâm triển khai, trong 5 năm có 135 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

**5.3. Trợ giúp pháp lý:** UBND huyện, xã đã phối hợp lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến đối tượng được thụ hưởng về các chủ trương, chính sách và chế độ theo quy định của pháp luật<sup>20</sup>. Phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai tổ chức 29 buổi trợ giúp pháp lý lưu động cho người nghèo, người DTTS tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, với 1.397 lượt người tham dự.

#### **5.4. Chương trình khuyến nông, định canh, định cư**

Từ các nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp, vốn khoa học công nghệ, nông thôn mới... đã triển khai 30 mô hình, dự án sản xuất, với tổng kinh phí 37.970,9 triệu đồng, có 2.250 hộ tham gia; tổ chức 27 lớp tập huấn chuyên giao khoa học, kỹ thuật, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, với hơn 2.300 lượt người tham gia.

Giai đoạn 2016 - 2020, trên địa bàn huyện không có đối tượng để lập và triển khai dự án định canh, định cư. Tuy nhiên, lồng ghép từ Chương trình xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đã thực hiện bố trí, sắp xếp 231 hộ<sup>21</sup> đến nơi ở mới, góp phần ổn định dân cư trên địa bàn huyện.

**5.5. Chương trình hỗ trợ đất ỏ, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho người DTTS theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 và Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

**a) Hỗ trợ đất Ỏ, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013:** Đã hỗ trợ cho 823 hộ thiểu đất sản xuất để chuyển đổi ngành nghề chăn nuôi, trong đó: 394 hộ được hỗ trợ chuyển đổi chăn

<sup>19</sup> Trong đó: 1.804 lượt hộ nghèo vay vốn với kinh phí 61 tỷ đồng; 1.068 lượt hộ cận nghèo vay vốn với kinh phí 39 tỷ đồng; 2.201 hộ mới thoát nghèo vay vốn với kinh phí 70 tỷ đồng; 24 học sinh, sinh viên vay vốn với kinh phí 468 triệu đồng; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường 33 tỷ đồng giúp xây dựng 2.433 công trình vệ sinh, 2.359 công trình nước sạch; 289 hộ nghèo vay vốn sửa chữa nhà Ỏ, với kinh phí 4.367 triệu đồng...

<sup>20</sup> Tổ chức 155 buổi tuyên truyền miệng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, với 8.734 lượt người tham dự; cấp phát 9.220 tài liệu tuyên truyền các loại; đăng 112 tin bài trên phương tiện thông tin đại chúng; thực hiện 05 đợt tuyên truyền lưu động; ngoài ra, tuyên truyền tại 06 trường học với 1.850 học sinh tham gia; UBND các xã thực hiện 222 buổi tuyên truyền, với 15.978 lượt người tham dự.

<sup>21</sup> Thôn Bi Giông, xã Pờ Tó di dời 44 hộ đến nơi ở mới; Thôn Bi Gia, xã Pờ Tó di dời 54 hộ đến nơi ở mới; Thôn Blôm, xã Kim Tân di dời 133 hộ đến nơi ở mới.

nuôi, với 701 con vật nuôi (*Kèm theo Phụ lục số 02*) và 429 hộ được hỗ trợ nước phân tán (*Kèm theo Phụ lục số 03*); ngoài ra, thực hiện duy tu, bảo dưỡng 04 công trình giếng nước sinh hoạt tập trung cho 40 hộ; tổng kinh phí thực hiện 7.463,42 triệu đồng.

**b) Hỗ trợ nước sinh hoạt theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ:** Giai đoạn 2017 - 2020, huyện Ia Pa có 633 hộ được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt (*theo Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Gia Lai*), nhưng đến năm 2020 dự án mới được thực hiện, trên cơ sở chỉ tiêu UBND tỉnh phân bổ, UBND huyện đã phê duyệt danh sách 230 hộ<sup>22</sup> được hỗ trợ nước sinh hoạt, chiếm 36,33% so với Dự án được duyệt, với tổng kinh phí 345 triệu đồng, trong đó: Mua bồn nhựa chứa nước cho 226 hộ, với kinh phí thực hiện 339 triệu đồng và hỗ trợ 04 hộ (xã Ia Trok) làm giếng khoan với kinh phí 9,1 triệu đồng (có 3,1 triệu đồng dân góp). Quá trình hỗ trợ có 30 hộ<sup>23</sup> đã thoát nghèo từ các năm trước và 06 hộ cận nghèo tại xã Kim Tân được hỗ trợ trước, chưa quan tâm lựa chọn, ưu tiên hỗ trợ trước những hộ nghèo yếu thế, khó khăn; khảo sát thực tế một số hộ được hỗ trợ bồn nước nhưng chưa sử dụng.

**5.6. Chương trình hỗ trợ các mặt hàng chính sách Theo Quyết định 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:** Đã thực hiện hỗ trợ 510 con bò giống sinh sản cho hộ nghèo, với kinh phí 8.267,8 triệu đồng; hỗ trợ 408.901 tấn phân bón cho 46.183 lượt khẩu hộ nghèo và giống cây trồng (ngô, lúa) 26.453 tấn cho 7.492 lượt khẩu hộ nghèo, già làng, trưởng thôn ở khu vực II, khu vực III, với tổng kinh phí 4.972 triệu đồng.

**5.7. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo:** Giai đoạn 2016 - 2020, số hộ được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tiền điện là 13.183 lượt hộ, với tổng kinh phí hỗ trợ 8.151 triệu đồng.

**5.8. Kết quả thực hiện các hoạt động hỗ trợ của Ban quản lý dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện:** Đối với Dự án này, trong năm 2020, Thường trực HĐND huyện đã tổ chức cuộc giám sát chuyên đề; qua 5 năm (từ 2014-2019) thực hiện Dự án, tổng kinh phí được phê duyệt: Vốn vay 4.822.519 USD, với 04 hợp phần<sup>24</sup>, tương đương 101,273 tỷ đồng và vốn đối ứng 5,465 tỷ đồng. Dự án được triển khai trên địa bàn 5 xã (Ia Mron, Chư Mô, Ia Broái, Ia Tul, Ia Kdăm) và đạt nhiều kết quả đáng khích lệ. Qua 5 năm, Dự án đã đầu tư 68 công trình cơ sở hạ tầng<sup>25</sup>, với tổng kinh phí thực hiện 61,739 tỷ

<sup>22</sup> Gồm: Pờ Tó 65 hộ; Chư Răng 04 hộ; Kim Tân 29 hộ; Ia Mron 30 hộ; Ia Trok 15 hộ; Ia Broái 19 hộ; Ia Tul 19 hộ; Chư Mô 18 hộ; Ia Kdăm 31 hộ.

<sup>23</sup> Gồm: Kim Tân 05 hộ; Ia Mron 07 hộ; Ia Broái 04 hộ; Chư Mô 09 hộ, Ia Kdăm 05 hộ.

<sup>24</sup> Trong đó: Hợp phần I: 1.709.957 USD; Hợp phần II: 1.219.080 USD, Hợp phần III: 1.700.000 USD, Hợp phần IV: 193.482 USD.

<sup>25</sup> 52 công trình đường giao thông, kinh phí 32,363 tỷ đồng; 04 công trình kiên cố hóa kênh mương, kinh phí 3,668 tỷ đồng; 05 nhà sinh hoạt cộng đồng, kinh phí 1.972 tỷ đồng. Các công trình đã sửa chữa, nâng cấp 20,649 km đường giao thông, 3,5 km kênh mương thoát nước phục vụ tưới tiêu cho 340ha diện tích cây trồng, xây dựng mới 05 nhà sinh hoạt cộng đồng với diện tích 459 m<sup>2</sup>.

đồng; thực hiện 31 hạng mục sửa chữa các công trình hư hỏng<sup>26</sup>, với tổng kinh phí thực hiện 928,94 triệu đồng; thực hiện 120 tiêu dự án (TDA) cải thiện sinh kế<sup>27</sup>, với 40 TDA cây trồng (*lúa, đậu xanh, gừng, nghệ*), 55 TDA chăn nuôi (*bò, heo, dê*) và 25 TDA cải tạo vườn hộ trồng rau kết hợp chăn nuôi heo, dê với tổng kinh phí thực hiện 21,167 tỷ đồng.

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện mặc dù rất sâu sát, quyết liệt, tuy nhiên việc triển khai thực hiện ở một số địa phương cơ sở còn chung chung, chưa sát với thực tiễn; một số ngành, địa phương còn chậm trễ và thiếu quyết liệt trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi chưa thật sự vào cuộc, chưa có sự phân công nhiệm vụ, kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện các dự án thuộc Chương trình; nhận thức của một số cán bộ cơ sở về công tác giảm nghèo bền vững còn thấp.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về Chương trình hiệu quả chưa cao; giữa các ngành, địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền chưa sát với yêu cầu, cũng như phù hợp với đặc điểm từng đối tượng, địa phương. Một số cán bộ thực hiện công tác tuyên truyền chưa hiểu đầy đủ về chủ trương, chính sách giảm nghèo nên việc phổ biến đến người dân còn hạn chế, vẫn còn hộ nghèo chưa hiểu hết các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm giúp người dân vươn lên trong sản xuất để thoát nghèo.

- Việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững chất lượng chưa cao; chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm của các địa phương đề ra hầu hết thấp hơn chỉ tiêu UBND huyện giao; chỉ tiêu giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS huyện phấn đấu giảm bình quân 3%/năm mặc dù phù hợp với Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng thấp hơn chỉ tiêu phấn đấu của tỉnh (5% trên) theo Nghị quyết số 05-NQ/TU. Việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo về nội dung, quy mô phát triển sản xuất, điều kiện tham gia phát triển sản xuất của hộ nghèo còn hạn chế, chưa khai thác được lợi thế của địa phương; các mô hình thực hiện còn tự phát, không bền vững, một số mô hình của dự án giảm nghèo Tây Nguyên (*dự án trồng gừng, nghệ, gác*) thực hiện không hiệu quả, không có sự liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; việc duy trì, nhân rộng mô hình hiệu quả chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

- Việc huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các dự án, tiêu dự án còn hạn chế; nguồn vốn phân bổ chưa kịp thời, công tác giải ngân vốn hàng

<sup>26</sup> 21 công trình đường giao thông đã duy tu, sửa chữa nâng cấp 11,27 km đường, kinh phí thực hiện 629,413 triệu đồng; 05 công trình kiên cố hóa kênh mương, phục vụ tưới cho 239 ha cây trồng, kinh phí thực hiện 149,868 triệu đồng và 05 công trình khác về sửa chữa cơ sở vật chất trường học, với kinh phí thực hiện 149,663 triệu đồng.

<sup>27</sup> Gồm: 03 TDA chăn nuôi bò lai sinh sản; 39 TDA nuôi dê sinh sản; 13 TDA nuôi heo; 05 TDA trồng đậu xanh; 08 TDA trồng gừng 2); 08 TDA trồng nghệ); 19 TDA trồng lúa; 25 TDA cải tạo vườn hộ trồng rau nuôi dê, heo.

năm còn chậm. Việc sử dụng vốn đầu tư còn dài trễ, chưa tập trung, hiệu quả chưa cao, một số công trình nhà văn hóa, cơ sở trường lớp giáo dục được đầu tư nhưng không sử dụng, gây lãng phí nguồn lực. Một số công trình chưa được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên dẫn đến xuống cấp nhanh, ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng của Nhân dân.

- Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nhất là giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS mặc dù đạt kế hoạch theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng hộ tái nghèo và hộ nghèo phát sinh mới còn nhiều<sup>28</sup>; số hộ nghèo là người DTTS chiếm tỷ lệ cao<sup>29</sup>; chất lượng cuộc sống của những hộ mới thoát nghèo còn thấp, dễ tái nghèo; công tác giảm hộ nghèo người cao tuổi gặp nhiều khó khăn. Toàn huyện có 03 xã<sup>30</sup> tỷ lệ hộ nghèo còn cao, chiếm trên 20%. Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm còn bất cập về Phiếu điều tra không phân định giá trị tài sản để làm cơ sở chấm điểm; một số Phiếu điều tra chấm chưa sát thực tế về thông tin của hộ gia đình và cộng đồng còn sai sót dẫn đến phân loại hộ nghèo chưa chính xác.

- Công tác tập huấn về đầu tư xây dựng cơ bản, lập triển khai các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn xã còn khó khăn, hạn chế; Tổ giám sát cộng đồng ở thôn không có đủ năng lực để lập hồ sơ, giám sát chất lượng công trình tại địa phương.

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình: Ban Chỉ đạo, các thành viên phụ trách các dự án, tiểu dự án và một số địa phương chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại cơ sở, do đó chưa kịp thời phát hiện những bất cập, tồn tại, hạn chế<sup>31</sup> của quá trình triển khai các mô hình, dự án để có giải pháp khắc phục; chưa quan tâm đánh giá hiệu quả của từng dự án triển khai thuộc Chương trình.

- Công tác giáo dục, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn; việc thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học sinh nghèo có năm chưa kịp thời; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt cao, do hầu hết các đối tượng tham gia BHYT được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng, tuy nhiên vẫn còn tình trạng sai sót thông tin trên thẻ BHYT.

- Công tác phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương trong tuyên truyền, vận động Nhân dân vay vốn phát triển sản xuất, xây dựng, sửa chữa nhà ở chưa đồng bộ nên hiệu quả chưa đạt như mục tiêu của chương trình, đề án, nhất là vùng đồng bào

<sup>28</sup> Kết quả điều tra rà soát năm 2020 có 155 hộ nghèo phát sinh, chiếm tỷ lệ 9,22%.

<sup>29</sup> Kết quả điều tra rà soát năm 2020 có 1.498 hộ nghèo người DTTS, chiếm tỷ lệ 89,11% tổng số hộ nghèo.

<sup>30</sup> Xã Ia Kdăm 29,44%; xã Pờ Tó 25,22%; xã Ia Broăi 22,46%.

<sup>31</sup> Chính sách hỗ trợ phân bón, giống cây trồng theo Quyết định số 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho một số hộ nghèo chưa phù hợp (*hộ không có đất sản xuất thì được hỗ trợ phân bón, giống cây trồng*) và chưa kịp thời vụ dẫn đến người dân phải bán cho các đầu mối tư thương. Tỷ lệ người dân vay vốn tín dụng theo Quyết định 33/QĐ-TTg còn thấp, chỉ có 130/367 hộ vay vốn, chiếm tỷ lệ 35,42%; Hỗ trợ bồn nước sinh hoạt theo Quyết định 2085/QĐ-TTg cho một số hộ nghèo chưa hợp lý, không rà soát để lựa chọn hộ theo thứ tự ưu tiên hộ yếu thế nên có 30 hộ đã thoát nghèo, 06 hộ cận nghèo được hỗ trợ trước, một số hộ được hỗ trợ bồn nước nhưng không sử dụng.

DTTS, đến thời điểm giám sát còn 237/367 hộ không vay vốn từ Đề án hỗ trợ về nhà ở, chiếm tỷ lệ 64,58%, 03 công trình<sup>32</sup> nước sạch hoạt động không hiệu quả và 03 công trình<sup>33</sup> nước sạch tạm dừng hoạt động, gây lãng phí về nguồn lực đầu tư.

## **2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Huyện Ia Pa là huyện miền núi, người DTTS chiếm tỷ lệ cao trên 70%, trình độ dân trí còn hạn chế, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn; một số phong tục, tập quán sản xuất, sinh hoạt còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; đồng thời, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai diễn biến thất thường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thường xuyên bùng phát, song song với đó trong 02 năm cuối của giai đoạn 2016 - 2020 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã tác động lớn đến mọi mặt của xã hội nói chung và Chương trình giảm nghèo bền vững nói riêng.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 đã tác động, ảnh hưởng lớn đến thực hiện công tác giảm nghèo tại các xã khu vực I (Ia Mron, Chư Mô, Ia Tul), nhất là chính sách hỗ trợ BHYT, các nguồn vốn, dự án và các chính sách giảm nghèo khác không được sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước; trong khi nguồn lực của địa phương còn hạn chế, chưa thể đáp ứng được yêu cầu của địa phương và Nhân dân.

- Công tác thống kê, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo còn bất cập, khó khăn như: Các chỉ số đo lường nghèo trong phiếu rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo ở khu vực nông thôn còn một số điểm chưa phù hợp<sup>34</sup>.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác giảm nghèo bền vững còn hạn chế, dẫn đến các kế hoạch, chương trình giảm nghèo của một số địa phương còn chung chung, chỉ tiêu giảm nghèo chưa sát với chỉ tiêu cấp trên giao. Đội ngũ làm công tác giảm nghèo ở một số địa phương trách nhiệm chưa cao, dẫn đến sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ, thiếu tính chủ động.

<sup>32</sup> Trạm cấp nước tập trung xã Ia Tul; công trình cấp nước tự chảy thôn Voòng Boong, xã Chư Răng; hệ thống cấp nước sinh hoạt cộng đồng thôn Ksom, xã Pờ Tó

<sup>33</sup> Hệ thống cấp nước tập trung xã Ia Mron; công trình cấp nước tập trung Bôn Biah A, xã Ia Tul; hệ thống cấp nước sinh hoạt cộng đồng thôn Plei Kdăm, xã Ia Kdăm.

<sup>34</sup> Tại Phiếu B1 (*Chi tiêu ước tính thu nhập của hộ*), phần chấm điểm đối với chỉ tiêu tài sản chủ yếu cho thấy, cùng một tài sản (như xe máy, tivi) nhưng thực tế giá trị khác nhau (xe mới - xe cũ, hộ có 01 xe - hộ có 3 xe; tivi mới - tivi cũ) điểm tính bằng nhau; phần chấm điểm đối với chỉ tiêu về chăn nuôi thi số hộ có 2 con trâu, bò cũng bằng điểm với hộ có nhiều con trâu, bò. Bên cạnh đó, phần chấm điểm đối với chỉ tiêu nhà ở: Chưa có hướng dẫn cụ thể loại nào là nhà gỗ bền chắc (*cả phần tường nhà và cột nhà*) nên khó khăn cho điều tra viên khi điều tra tại cơ sở.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về Chương trình giảm nghèo bền vững chưa được quan tâm đúng mức; thiếu sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền; nội dung tuyên truyền còn chung chung, chưa sát đối tượng và chưa phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Một số cơ quan, đơn vị, chính quyền cơ sở thiếu kiểm tra, giám sát, còn để xảy ra sai sót trong thực hiện chính sách hỗ trợ nghèo như hỗ trợ không hợp lý, hỗ trợ không phù hợp với nhu cầu của người thụ hưởng. Một số mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả sau khi kết thúc hỗ trợ không được người dân duy trì, nhân rộng.

- Mức vay vốn tín dụng 25 triệu đồng/hộ theo Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là thấp, hộ nghèo đời sống rất khó khăn, không có vốn đối ứng, nguồn thu nhập không ổn định nên không vay vốn tín dụng.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ yếu là người DTTS, nhận thức còn hạn chế, thiếu kiến thức tổ chức sản xuất, chưa biết cách tích lũy vốn để phát triển kinh tế; còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Bên cạnh đó, một bộ phận hộ nghèo thuộc diện già cô đơn, ốm đau thường xuyên, đồng con, thiếu đất sản xuất hoặc tai nạn bất thường, thậm chí có hộ lười lao động, tư tưởng không muốn thoát nghèo để được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

## **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Trung ương**

- Đề nghị Chính phủ tiếp tục triển khai chính sách vay vốn hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, tăng mức vay vốn tín dụng từ 25 triệu đồng/hộ lên 50 triệu đồng/hộ.

- Đề nghị Chính phủ quan tâm có chính sách hỗ trợ mức đóng BHYT cho người dân sống ở huyện miền núi, huyện thuộc vùng có tỷ lệ người đồng bào DTTS chiếm trên 50% và người DTTS sinh sống ở vùng I, xã nông thôn mới để người dân được hỗ trợ một phần mức đóng, có điều kiện tiếp cận dần và tự nguyện tham gia BHYT hộ gia đình.

- Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội xem xét sửa đổi bộ công cụ đo lường thu nhập chấm điểm Phiếu B1 theo hướng bổ sung tiêu chí xác định giá trị bằng tiền của tài sản để quy ra thu nhập.

### **2. Đối với tỉnh**

- Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh thời gian áp dụng chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng học sinh, sinh viên theo năm học (*tại Nghị quyết số 129/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai*).

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt theo Quyết định số 2805/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cho 403 hộ nghèo còn lại của huyện Ia Pa (*được phê*

duyệt tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh) nhưng đến nay chưa được phân bổ kinh phí để thực hiện.

- Đề nghị UBND tỉnh sớm phê duyệt triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh, để huyện lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện.

### **3. Đối với UBND huyện**

- Thường xuyên chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý Chương trình các cấp; hàng năm xây dựng kế hoạch giảm nghèo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách lĩnh vực, địa bàn; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra các dự án được triển khai để đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

- Quan tâm bố trí ngân sách để duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, xây dựng, đảm bảo khai thác sử dụng có hiệu quả; đồng thời, quan tâm bố trí kinh phí phục vụ công tác truyền thông về giảm nghèo trên địa bàn huyện. Có giải pháp khắc phục, sửa chữa và sử dụng có hiệu quả các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo xây dựng mô hình giảm nghèo tiêu biểu trong vùng đồng bào DTTS để nhân rộng nhằm phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cho Nhân dân.

- Tăng cường phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng chuỗi liên kết giá trị bền vững trong đầu tư, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp từ các mô hình, dự án giảm nghèo nói riêng và các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn huyện nói chung.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể huy động, tổng hợp các nguồn vốn nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo.

### **4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện**

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo các hội, đoàn thể ở địa phương tăng cường phối hợp với UBND các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của người nghèo, người đồng bào DTTS về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; huy động tổng hợp các nguồn vốn nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo tại địa phương.

- Thường xuyên phát động phong trào “Hỗ trợ người nghèo” để huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng cùng chung tay hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, làm nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh và triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”, gắn với đẩy

mạnh phong trào thực hành tiết kiệm, xóa bỏ hủ tục lạc hậu trong ma chay, lễ hội; tăng cường phối hợp với Thường trực HĐND huyện trong giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình.

### **5. Đối với các phòng ban, ngành liên quan**

- Đề nghị Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội nêu cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực trong công tác tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện, nhất là thực hiện mục tiêu giảm hộ nghèo người DTTS; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiền điện, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động. Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội. Hàng năm, tổ chức tập huấn công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cán bộ, công chức cấp xã và điều tra viên, toàn thể các lực lượng hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng.

- Đề nghị Phòng Dân tộc huyện tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo theo Quyết định số 102/QĐ-TTg, Quyết định số 755/QĐ-TTg và Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm đảm bảo chính sách được hỗ trợ phù hợp với các đối tượng thụ hưởng.

- Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các Chương trình, dự án đảm bảo đúng tiến độ, giải ngân nguồn vốn đúng quy định; đồng thời, thẩm định, đề xuất danh mục đầu tư hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tránh đầu tư trùng lắp, dàn trải, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực, ngân sách Nhà nước.

- Đề nghị Phòng Tư pháp huyện tiếp tục triển khai tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Chương trình giảm nghèo, nhất là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Đề nghị Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện tiếp tục tham mưu UBND huyện khắc phục, sửa chữa và khai thác sử dụng có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; phối hợp với UBND các xã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án khuyến nông trên địa bàn huyện.

- Đề nghị Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện tổ chức rà soát, đánh giá lại hiệu quả của việc vay vốn tín dụng thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn huyện theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Đề nghị Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện tham mưu triển khai kịp thời chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học sinh nghèo theo đúng quy định.

- Đề nghị Phòng Văn hóa - Thông tin huyện đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về giảm nghèo; tiếp tục nghiên cứu, tham mưu triển khai chính sách hỗ trợ đầu thu truyền hình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo về thông tin cho các đối tượng thụ hưởng.

- Đề nghị Bảo hiểm xã hội huyện đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về BHYT nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết cấp thẻ, sửa đổi thông tin sai lệch trên BHYT cho người dân kịp thời. Có giải pháp tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT hộ gia đình để nâng cao tỷ lệ tham gia BHYT, nhất là đối tượng học sinh, sinh viên, người sản xuất nông, lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình được Nhà nước hỗ trợ 50% mức đóng và người dân sống ở vùng thuận lợi (Ia Tul, Chư Mô, Ia Mrơn) không được hỗ trợ mức đóng, nhằm đạt chỉ tiêu hộ dân tham gia BHYT theo chỉ tiêu nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XVIII và Nghị quyết HĐND huyện giao.

- Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình vay tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS được tiếp cận vay vốn; kiến nghị với Ngân hàng cấp trên có chính sách hỗ trợ giảm lãi suất vay vốn hoặc giãn nợ cho hộ nghèo DTTS và hộ DTTS mới thoát nghèo, hộ cận nghèo bị ảnh hưởng, hụt nguồn thu nhập do dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và tác động lớn của dịch bệnh Covid-19.

## **6. Đối với Thường trực HĐND, UBND các xã**

### **6.1. Đối với Thường trực HĐND các xã**

Tăng cường triển khai giám sát việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tại địa phương, nhất là các chính sách hỗ trợ giảm nghèo liên quan trực tiếp đến hộ nghèo, người DTTS trên địa bàn.

### **6.2. Đối với UBND các xã**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nội dung tuyên truyền cần cụ thể, phù hợp với từng đối tượng và phong tục tập quán để người dân hiểu được mục tiêu, ý nghĩa của công tác giảm nghèo bền vững và có ý thức vươn lên thoát nghèo; hàng năm xây dựng kế hoạch giảm nghèo sát với chỉ tiêu UBND huyện giao và quan tâm tuyên truyền, vận động giảm nghèo đối với hộ người cao tuổi, người DTTS.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban quản lý, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã trong thực hiện Chương trình. Phân công các tổ chức đoàn thể, cán bộ phụ trách giúp đỡ, hướng dẫn hộ, nhóm hộ nghèo trong phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo; quan tâm lựa chọn các mô hình, dự án thực hiện có hiệu quả ở địa phương để tuyên truyền, vận động Nhân dân tự giác nhân rộng, tránh việc trông chờ vào sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban quản lý và của cộng đồng thôn để việc thực hiện Chương trình có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện “Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện”./.

#### TM. THƯỜNG TRỰC HĐND HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thị Liễu

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN & Đoàn thể huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng ban huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, HD.

PHỤ LỤC 01

**Kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020**

Kèm theo Báo cáo số 37/BG- HĐND ngày 12/11/2021  
của Thường trực HĐND huyện)

Xã	Năm 2016		Năm 2020		Giảm		Trung bình/nă m	Ghi chú
	Hộ	Tỷ lệ	Hộ	Tỷ lệ	Hộ	Tỷ lệ		
Pờ Tó	740	50,03	455	25,22	285	24,81	4,96	
Chư Răng	377	36,78	145	13,12	232	23,66	4,73	
Kim Tân	372	30,29	152	10,9	220	19,39	3,88	
Ia Mron	854	33,75	117	4,06	737	29,69	5,94	
Ia Trok	642	33,49	240	11,07	402	22,42	4,48	
Ia Broai	365	45,23	197	22,46	168	22,77	4,55	
Ia Tul	192	30,19	36	5,1	156	25,09	5,02	
Chư Mô	389	29,6	64	4,47	325	25,13	5,03	
Ia Kdam	417	52,39	275	29,44	142	22,95	4,59	
<b>Tổng cộng</b>	<b>4348</b>	<b>37,06</b>	<b>1681</b>	<b>12,63</b>	<b>2667</b>	<b>24,43</b>	<b>4,89</b>	

PHỤ LỤC 02

Kết quả hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề chăn nuôi theo Quyết định 755/QĐ-TTg

(Kèm theo Báo cáo số 33/BC-HĐND ngày 02/11/2021  
của Thường trực HĐND huyện)

ĐVT: Tr. đồng

Số tự tố định	Địa phương	Thực hiện năm từ 2015 đến 31/01/2017									
		Số hộ	Số lượng	Nội dung hỗ trợ (con)				Tổng nguồn vốn	Trong đó		
				Bò	Trâu	Dê	Heo		Ngân sách Trung ương	Vốn vay từ NHCSXH	Ngân sách ĐP
A	B	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16
1	Xã Pờ Tó	46	96	47	1	40	8	718	230	465	23
2	Xã Chư Răng	40	46	38	1		7	730	200	510	20
3	Xã Kim Tân	60	72	48		24		1005	300	675	30
4	Xã Ia Mrơm	48	66	48		15	3	879	240	615	24
5	Xã Ia Trôk	89	183	114		36	33	1659,5	445	1.170	44,5
6	Xã Ia Broăi	31	79	32		47		515,5	155	345	15,5
7	Xã Ia Tul	18	32	24		8		339	90	240	9
8	Xã Chư Mô	18	36	30		3	3	354	90	255	9
9	Xã Ia Kdăm	44	91	38		53		662	220	420	22
Tổng cộng		394	701	419	2	226	54	6.862,0	1.970,0	4.695,0	197,0



PHỤ LỤC 03

**Kết quả hỗ trợ nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg**

(Kèm theo Báo cáo số: 23/BC-HĐND ngày 02/11/2021 của Thường trực HĐND huyện)

ĐVT: Tr. đồng

Số hộ	Địa phương	Thực hiện từ 2015 đến 31/01/2017										Ghi chú	
		Số lượng	Nội dung hỗ trợ					Số hộ	Tổng nguồn vốn	Trong đó			
			Bát nước máy (hộ)	Bồn chứa nước (cái)	Mô tơ bơm nước (cái)	Khoan giếng (cái)	Đào giếng (cái)			Ngân sách Trung ương	Ngân sách ĐP		
A	B	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Xã Pờ Tó	18	18	0	18	0	0	0	18	23,40	21,06	2,34	
2	Xã Chư Răng	5	5	0	5	0	0	0	5	6,50	5,85	0,65	
3	Xã Kim Tân	59	59	39	20	0	0	0	59	76,70	69,03	7,67	
4	Xã Ia Mrơn	56	56	0	29	4	23	0	56	72,80	65,52	7,28	
5	Xã Ia Trôk	8	8	0	5	0	3	0	8	10,40	9,36	1,04	
6	Xã Ia Broăi	175	175	0	134	9	23	9	175	227,50	204,75	22,75	
7	Xã Ia Tul	78	78	13	60	3	2	0	78	101,40	91,26	10,14	
8	Xã Chư Mô	9	9	0	9	0	0	0	9	11,70	10,53	1,17	
9	Xã Ia Kdăm	21	21	0	21	0	0	0	21	27,30	24,57	2,73	
<b>Tổng cộng</b>		<b>429</b>	<b>429</b>	<b>52</b>	<b>301</b>	<b>16</b>	<b>51</b>	<b>9</b>	<b>429</b>	<b>557,70</b>	<b>501,93</b>	<b>55,77</b>	